

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HOÁ  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/ 5/2021

V/v: “ Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Cát Tường ;

2. Bà Nguyễn Thị Loan .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***

Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân K – Sinh năm 1971

ĐKKHKT: N, phường Đ, thành phố T.

Nơi ở hiện nay: N, phường Đ, thành phố T.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T - Sinh năm 1973 ( Vắng mặt)

Địa chỉ: N, phường Đ, thành phố T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn nguyên đơn Anh Nguyễn Xuân K trình bày: Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau vào tháng 9 năm 1992, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng luôn va chạm, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng càng tăng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T2 sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Tiến M sinh năm 1994. Ly hôn các cháu đã thành niên có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh K về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, va chạm, xích mích, không còn quan tâm, thiếu trách nhiệm với nhau. Chị và anh K có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay không còn Đăng ký kết hôn do chị đã xé. Nay chị T xét thấy tình cảm của chị đối với anh K vẫn còn nên chị mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T2 sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Tiến M sinh năm 1994. Ly hôn các cháu đã thành niên có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên Hòa giải tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chị T có mặt nhưng tại phiên hòa giải chị T không có mặt theo triệu tập của Tòa án, do vậy Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa anh K khai và chị T không có đăng ký kết hôn và anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị T, Về con cái, tài sản chung và công nợ chung anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo và triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ hôn nhân gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự có đúng quy định. Đảm bảo về mặt thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là bị đơn có lời khai, có tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tham gia phiên hòa giải và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, Điều 234 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng bị đơn không đến phiên Tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau vào tháng 10 năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới. Anh K khai anh và chị T không có Đăng ký kết hôn còn chị T khai anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ vào tháng 10/1992. Kết quả xác minh tại phường Đ thì sổ lưu hộ tịch kết hôn từ năm 1994 trở về trước không còn, những người thực hiện quản lý đăng ký hộ tịch ( Kết hôn, khai sinh) từ năm 1994 trở về trước của phường Đ ( Ông Lê Huy L- Phó chủ tịch phường Đ, ông D văn phòng kiêm tư pháp) hiện nay đã chết. Do vậy việc chị T khai chị và anh K có đăng ký kết hôn là không có cơ sở. Nay anh K xét thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 xử không công nhận vợ chồng giữa anh K và chị T.

Về con cái: Anh K và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T2 sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Tiến M sinh năm 1994. Ly hôn các cháu đã thành niên có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T (Bị đơn) vắng mặt. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng chị T không đến Tòa án. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, chị T khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T vào tháng 10/1992 nhưng hiện nay đăng ký kết hôn không còn. Anh K khai không có đăng ký kết hôn.

Quá trình anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh K và chị T thiếu lòng tin đối với nhau dẫn đến tình cảm anh chị không còn. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh K làm đơn ly hôn, chị T xét thấy tình cảm của chị đối với anh K vẫn còn nên mong muốn đoàn tụ.

Xét thấy mặc chị T khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ vào tháng 10/1992 nhưng hiện nay đăng ký kết hôn không còn, theo trả lời số 480 ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường Đ sau khi kiểm tra sổ lưu trữ hộ tịch của UBND phường Đ thì sổ lưu kết hôn từ năm 1994 trở về trước không còn lưu trữ, sổ lưu kết hôn từ năm 1995 trở về đây thì không có tên anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T. Qua xác minh tại phường Đ, thành phố T thì từ năm 1994 trở về trước sổ lưu đăng ký kết hôn không có, từ năm 1995 trở về đây thì sổ lưu kết hôn không có tên anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T, Hiện nay ông L phó chủ tịch phường Đ năm 1994 trở về trước theo dõi hộ tịch và ông D văn phòng theo dõi hộ tịch đều đã chết nên không có căn cứ xác định được anh K và chị T có đăng ký kết hôn hay không. Anh K, chị T không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc anh chị có đăng ký kết hôn.

Tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định;” Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b mục 3 của Nghị Quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”, Khoản 1 Điều 14 luật HNGĐ năm 2015 cũng quy định rõ: Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy xét yêu cầu của anh K Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b, c Khoản 3 Nghị Quyết 35 /2000/QH 10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội, Khoản 1 Điều 14 luật HNGĐ năm 2015 xử không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T.

[3]. Về con chung: Anh K và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T2 sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Tiến M sinh năm 1994. Các cháu đã thành niên có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân K và chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung: Anh K và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T2 sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Tiến M sinh năm 1994, đã thành niên có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số: A/2018/0001770 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh K đã nộp đủ.

*Ng-ời đ-ợc thi hành án, ng-ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Đ ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Thị Nguyệt**